TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 79/2023/DS-PT
Ngày: 11 - 4 - 2023
V/v tranh chấp về thừa kế tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Châu Minh Nguyệt

Các Thẩm phán: Ông Trương Thanh Dũng

Ông Lê Thanh Hùng

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Hồng Đào - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa:*** Ông Phạm Văn Thân - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 34/2023/TLPT-DS ngày 08 tháng 3 năm 2023 về việc "Tranh chấp về thừa kế tài sản".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 201/2022/DS-ST ngày 09/12/2022 của Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Bạc Liêu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 79/2023/QĐ-PT ngày 24 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông A, sinh năm 1956; Địa chỉ: Số 80, Khóm 7, Phường 1, thành phố M, tỉnh Bạc Liêu (Có mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của ông A: Bà C2, sinh năm 1965; Địa chỉ: Số 86, Khóm 7, Phường 1, thành phố M, tỉnh Bạc Liêu (Có mặt).

- *Bị đơn:* Ông B, sinh năm 1973; Địa chỉ: Số 56/277, Khóm 7, Phường 1, thành phố M, tỉnh Bạc Liêu (Có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà C, sinh năm 1954; Địa chỉ: Số 82, Khóm 7, Phường 1, thành phố M, tỉnh Bạc Liêu (Có mặt)

2. Bà C1, sinh năm 1959; Địa chỉ: Số 84, Khóm 7, Phường 1, thành phố M,

tỉnh Bạc Liêu (Có mặt)

3. Bà C2, sinh năm 1965; Địa chỉ: Số 86, Khóm 7, Phường 1, thành phố M, tỉnh Bạc Liêu (Có mặt)

4. Ông C3, sinh năm 1951; Địa chỉ: Số 56/277, Khóm 7, Phường 1, thành phố M, tỉnh Bạc Liêu.

Người giám hộ của ông C3: Ông B, sinh năm 1973; Địa chỉ: số 56/277, Khóm 7, Phường 1, thành phố M, tỉnh Bạc Liêu (Có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông C3: Ông D - Là Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Bạc Liêu (Có mặt)

5. Ủy ban nhân dân thành phố M, tỉnh Bạc Liêu.

Địa chỉ: Số 12, Khóm 4, Phường 3, thành phố M, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo pháp luật: Bà E – Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố M (Vắng mặt)

6. Hội đồng Bồi thường hỗ trợ và tái định cư thành phố M, tỉnh Bạc Liêu.

Địa chỉ: Đường 30/4, Khóm 4, Phường 3, thành phố M, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo pháp luật: Ông F – Chủ tịch Hội đồng Bồi thường hỗ trợ và tái định cư thành phố M (Vắng mặt)

- *Người kháng cáo*: Bị đơn ông B và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông C3 (Do người giám hộ của ông C3 là ông B thực hiện kháng cáo).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại các đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án của nguyên đơn ông A và lời trình bày của bà C2 - người đại diện theo ủy quyền của ông A trình bày:

Cụ K, chết ngày 29/7/1993 và cụ K1, chết ngày 27/10/2017. Cụ K và cụ K1 có tất cả 06 người con chung gồm: Ông K2, chết năm 1974 (ông K2 không có vợ con); ông C3, bà C, ông A, bà C1, bà C2. Ngoài ra, cụ K và cụ K1 không còn con chung, con riêng, con nuôi nào khác. Cụ K chết không để lại di chúc.

Đối với tờ di chúc lập ngày 26/11/2002 tên K1, có xác nhận của Ủy ban nhân Phường 1, thành phố M. Ông A tôn trọng quyết định của cụ K1 theo di chúc nên không tranh chấp và yêu cầu Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết tính hợp pháp của di chúc, cũng như các tài sản được liệt kê cho ông C3, ông B trong di chúc. Ngoài ra, cụ K1 không còn để lại di chúc nào khác.

Nguyên đơn ông A xác định rút một phần nội dung khởi kiện chia thừa kế theo pháp luật gồm: Quyền sử dụng đất diện tích 147,6m^2 thửa 92, tờ bản đồ 67 (trong

tổng diện tích 1.638,8 m^2 của đơn khởi kiện ban đầu); Toàn bộ quyền sử dụng đất khu mộ và khu lân cận mộ theo kết quả đo đạc thực tế 777,3m^2 thuộc một phần thửa số 92, tờ bản số 67, đất tọa lạc tại Khóm 7, Phường 1, thành phố M; Số tiền được bồi thường là 18.665.645 đồng phần đất bị thu hồi diện tích 17,9m^2 và số tiền chi trả bồi thường, hỗ trợ tái định cư là 17.328.567 đồng phần đất bị thu hồi diện tích 12,9m^2 thuộc thửa 121.

Do đó, theo nguyên đơn xác định di sản cụ K, cụ K1 để lại là quyền sử dụng đất diện tích 1.491,2m^2 thuộc thửa số 92, tờ bản đồ số 67, đất tọa lạc tại Khóm 7, Phường 1, thành phố M, tỉnh Bạc Liêu và quyền sử dụng đất diện tích 154,80m^2 thuộc thửa 92 và 120 đã bị thu hồi nay được chi trả bồi thường, hỗ trợ tái định cư số tiền là 659.231.280 đồng.

Nguồn gốc quyền sử dụng đất diện tích 1.491,2m^2, thuộc thửa 92, tờ bản đồ số 67, đất toạ lạc tại Khóm 7, Phường 1, thành phố M, tỉnh Bạc Liêu và quyền sử dụng đất bị thu hồi diện tích 154,80m^2 thuộc thửa 92 và 120 là của cụ H (cha của cụ K1) tự khai phá; Cụ H chết để lại cho cụ K, cụ K1. Đây là tài sản của cụ K và cụ K1 chưa được chia và chưa được định đoạt trong di chúc của cụ K1 nên ông A xác định đây là di sản thừa kế của cụ K, cụ K1 yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật cho hàng thừa kế thứ nhất của cụ K và cụ K1. Cụ thể:

- Chia thừa kế theo pháp luật quyền sử dụng đất diện tích 1.491,2m^2 thuộc thửa số 92, tờ bản đồ số 67, tại Khóm 7, Phường 1, thành phố M, tỉnh Bạc Liêu thành 05 phần cho 05 người con của cụ K, cụ K1 gồm ông C3, bà C, ông A, bà C1, bà C2 mỗi người một kỷ phần bằng nhau; Yêu cầu nhận bằng hiện vật đối với phần được chia.

- Chia thừa kế theo pháp luật số tiền chi trả bồi thường, hỗ trợ tái định cư số tiền 659.231.280 đồng, thành 05 phần cho 05 người con của cụ K, cụ K1 gồm ông C3, bà C, ông A, bà C1, bà C2 mỗi người một kỷ phần bằng nhau, số tiền chia cho mỗi người là 131.846.256 đồng.

- Ý kiến của ông B là bị đơn và là người giám hộ của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông C3 trình bày:

Đối với Tờ di chúc lập ngày 26/11/2002 của cụ K1: Tôn trọng quyết định của cụ K1 nên không tranh chấp và yêu cầu Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết tính hợp pháp của di chúc, cũng như các tài sản được liệt kê cho ông C3, ông B trong di chúc.

Đồng ý việc nguyên đơn rút một phần nội dung khởi kiện.

Đối với quyền sử dụng đất diện tích 1.491,2m^2, thuộc thửa 92, tờ bản đồ số 67, đất toạ lạc tại Khóm 7, Phường 1, thành phố M, tỉnh Bạc Liêu và quyền sử dụng đất diện tích 154,80m^2 thuộc thửa 92 và 120 đã bị thu hồi nay được chi trả bồi thường,

hỗ trợ tái định cư số tiền là 659.231.280 đồng ông B khẳng định không phải là di sản thừa kế của cụ K, cụ K1 mà là tài sản riêng của ông B. Vào năm 1992, cụ K1 đã cho ông B toàn bộ phần đất này, ông B là người quản lý tài sản từ năm 1992 và là người đứng tên sổ mục kê tại các thửa 92, 120 và 121 này. Năm 2016, ông B cũng là người đứng tên trong hồ sơ thu hồi đất đợt 1 thuộc dự án đường O. Trước khi cụ K1 chết (tháng 10/2017), cụ K1 đã không còn đứng tên trong sổ mục kê đất đai tại các thửa này. Chính tại di chúc của cụ K1 cũng đã thể hiện rất rõ: ngoài việc liệt kê toàn bộ phần tài sản còn lại của cụ như đất nhà (300m^2), đất vườn (350,6m^2), vật dụng trong gia đình và sổ tiết kiệm, cụ K1 có nhắc nhở con cháu phần đất đã cho con, cháu gồm: ông C3, bà C, ông A, bà C1, bà C2 và ông B (cháu nội). Cụ thể vào năm 1992, cụ K1 đã tiến hành chia cho ông A diện tích 577m^2; bà C1 diện tích 824,5m^2; bà C2 diện tích 1.334,7m^2; bà C diện tích 1.490,0m^2; cho ông B, ông C3 quyền sử dụng đất diện tích 1.491,2m^2 và phần đất bị thu hồi diện tích 154,80m^2 của thửa 92 và 120 (nay là đất tranh chấp). Do đó, đến thời điểm cụ K1 lập di chúc năm 2002, tài sản còn lại của cụ K1 chưa cho ai chỉ có căn nhà và đất gắn liền (được đề cập trong di chúc) là nhà phủ thờ chưa giao ai nên cụ K1 mới lập di chúc cho ông C3 và ông B.

Thực tế, biên bản xác minh nguồn gốc đất của Ủy ban Phường 1 vào năm 2016, tại đối tượng tên người được bồi thường đợt 1 là tên của ông B. Nay chưa có bất cứ một quyết định có hiệu lực của cơ quan pháp luật nào điều chỉnh vấn đề này, trong khi đó vụ án lại đang tranh chấp tại Tòa án nhưng tại quyết định thu hồi và thông báo chi trả tiền bồi thường của Ủy ban thành phố M tự chuyển sang tên từ tên ông B sang tên cụ K1 là vô căn cứ, sai đối tượng. Đây là phần đất của ông B nên phải xác định đối tượng được chi trả tiền bồi thường phải là tên của ông B.

Do đó, ông B xác định quyền sử dụng đất diện tích 1.491,2m^2, thuộc thửa 92, tờ bản đồ số 67, đất toạ lạc tại Khóm 7, Phường 1, thành phố M, tỉnh Bạc Liêu và quyền sử dụng đất diện tích 154,80m^2 thuộc thửa 92 và 120 đã bị thu hồi nay được chi trả bồi thường, hỗ trợ tái định cư số tiền 659.231.280 đồng là tài sản riêng của ông B, không phải là di sản của cụ K và cụ K1 nên không đồng ý chia thừa kế theo pháp luật.

- Ý kiến trình bày của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà C:

Bà C thống nhất ý kiến trình bày của ông B. Bà C xác định quyền sử dụng đất diện tích 1.491,2m^2, thuộc thửa 92, tờ bản đồ số 67, đất toạ lạc tại Khóm 7, Phường 1, thành phố M, tỉnh Bạc Liêu và quyền sử dụng đất diện tích 154,80m^2 thuộc thửa 92 và 120 đã bị thu hồi nay được chi trả bồi thường, hỗ trợ tái định cư số tiền 659.231.280 đồng là tài sản riêng của cha con ông C3, ông B đã được cụ K1 cho vào năm 1992, đây không phải là di sản của cụ K và cụ K1 nên không đồng ý chia thừa kế theo pháp luật.

- Ý kiến trình bày của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà C1, bà C2

thống nhất: Thống nhất ý kiến trình bày của ông A, đồng ý yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật của ông A.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân thành phố M, tỉnh Bạc Liêu*: Không có ý kiến trình bày.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Hội đồng Bồi thường hỗ trợ và tái định cư thành phố M, tỉnh Bạc Liêu*: Không có ý kiến trình bày.

Từ nội dung nêu trên tại bản án dân sự sơ thẩm số 201/2022/DS-ST ngày 09/12/2022 của Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Bạc Liêu đã quyết định:

1. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của ông A:

1.1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông A về yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật quyền sử dụng đất diện tích 147,6m^2 thửa 92, tờ bản đồ 67 tọa lạc tại khóm 7, phường 1, thành phố M, tỉnh Bạc Liêu.

1.2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông A về yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật quyền sử dụng đất toàn bộ phần đất có mộ và khu lân cận mộ theo kết quả đo đạt thực tế 777,3m^2 (trong đó diện tích mồ mả 159,0m^2 và diện tích còn lại 618,3m^2) thuộc một phần thửa số 92, tờ bản số 67, đất tọa lạc tại khóm 7, phường 1, thành phố M.

1.3. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông A về yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật số tiền được bồi thường 18.665.645đồng của phần đất bị thu hồi diện tích 17,9m^2 tọa lạc tại Khóm 7, Phường 1, thành phố M, tỉnh Bạc Liêu

1.4. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông A về yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật số tiền chi trả bồi thường, hỗ trợ tái định cư 17.328.567 đồng của phần đất bị thu hồi diện tích 12,9m^2 thuộc thửa 121 tọa lạc tại khóm 7, phường 1, thành phố M, tỉnh Bạc Liêu.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông A về việc yêu cầu chia thừa kế tài sản theo pháp luật.

2.2. Xác định di sản thừa kế của cụ K và cụ K1 để lại là quyền sử dụng đất diện tích 1.491,2m^2 thuộc thửa 92, tờ bản đồ số 67, đất toạ lạc tại Khóm 7, Phường 1, thành phố M, tỉnh Bạc Liêu và tiền bồi thường, hỗ trợ và tái định cư (sau khi trừ nghĩa vụ tài chính về đất) số tiền 659.231.280 đồng.

2.3. Xác định hàng thừa kế thứ nhất của cụ K và cụ K1 gồm: Ông C3, ông A, bà C, bà C1 và bà C2.

3. Chia di sản thừa kế cho hàng thừa kế thứ nhất của cụ K và cụ K1 đối với số tiền 659.231.280 đồng, gồm:

3.1. Chia cho ông C3 (do ông B là người giám hộ đại diện nhận) một kỷ phần thừa kế bằng số tiền 131.846.256 đồng (Một trăm ba mươi mốt triệu, tám trăm bốn mươi sáu nghìn, hai trăm năm mươi sáu đồng).

3.2. Chia cho bà C một kỷ phần thừa kế bằng số tiền 131.846.256 đồng (Một trăm ba mươi mốt triệu, tám trăm bốn mươi sáu nghìn, hai trăm năm mươi sáu đồng).

3.3. Chia cho ông A một kỷ phần thừa kế bằng số tiền 131.846.256 đồng (Một trăm ba mươi mốt triệu, tám trăm bốn mươi sáu nghìn, hai trăm năm mươi sáu đồng).

3.4. Chia cho bà C1 một kỷ phần thừa kế bằng số tiền 131.846.256 đồng (Một trăm ba mươi mốt triệu, tám trăm bốn mươi sáu nghìn, hai trăm năm mươi sáu đồng).

3.5. Chia cho bà C2 một kỷ phần thừa kế bằng số tiền 131.846.256 đồng (Một trăm ba mươi mốt triệu, tám trăm bốn mươi sáu nghìn, hai trăm năm mươi sáu đồng).

3.6. Ông B (người giám hộ của ông C3), ông A, bà C, bà C1 và bà C2 có quyền đến Hội đồng Bồi thường hỗ trợ và tái định cư thành phố M, tỉnh Bạc Liêu để nhận số tiền được chia theo quy định pháp luật.

4. Chia thừa kế theo pháp luật quyền sử dụng đất diện tích 1.491,2m^2 thuộc thửa 92, tờ bản đồ số 67, đất toạ lạc tại Khóm 7, Phường 1, thành phố M, tỉnh Bạc Liêu cho hàng thừa kế thứ nhất của cụ K và cụ K1 gồm:

4.1. Chia cho bà C2 một kỷ phần quyền sử dụng đất diện tích 298m^2 thuộc một phần thửa số 92 tờ bản đồ số 67, đất tọa lạc tại Khóm 7, Phường 1, thành phố M, tỉnh Bạc Liêu, đất có vị trí và tứ cạnh như sau:

- Hướng Đông giáp đất của bà C2 đang quản lý, sử dụng có số đo 2,23m + 5,65m + 0,18m + 31,57m.

- Hướng Tây giáp đất chia cho ông C3 (do ông B là người giám hộ), có số đo 37,17m.

- Hướng Nam giáp với phần đất do ông B, ông C3 đang quản lý, sử dụng (đất do cụ K1 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) có số đo là 9,50m.

- Hướng Bắc giáp dự án đường O nối dài, có số đo 6,58m.

4.2. Chia cho ông C3 (do ông B là người giám hộ đại diện nhận) một kỷ phần quyền sử dụng đất diện tích 298m^2 thuộc một phần thửa số 92 tờ bản đồ số 67, đất tọa lạc tại Khóm 7, Phường 1, thành phố M, tỉnh Bạc Liêu, đất có vị trí và tứ cạnh như sau:

- Hướng Đông giáp đất chia cho bà C2 có số đo 37,17m.

- Hướng Tây giáp đất chia cho bà C, có số đo 43,19m.

-Hướng Nam giáp với phần đất do ông B, ông C3 đang quản lý, sử dụng (đất do cụ K1 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) và giáp đất bà I có số đo lần lượt là 9,50m + 0,85m.

- Hướng Bắc giáp dự án đường O nối dài, có số đo 6,58m.

4.3. Chia cho bà C một kỷ phần quyền sử dụng đất diện tích 298m^2 thuộc một phần thửa số 92 tờ bản đồ số 67, đất tọa lạc tại Khóm 7, Phường 1, thành phố M, tỉnh Bạc Liêu, đất có vị trí và tứ cạnh như sau:

- Hướng Đông giáp đất chia cho ông C3 (do ông B là người giám hộ) có số đo 43,19m.

- Hướng Tây giáp đất chia cho ông A, có số đo 43,20m.

- Hướng Nam giáp với phần đất bà I có số đo 7,61m.

- Hướng Bắc giáp dự án đường O nối dài, có số đo 6,58m.

4.4. Chia cho ông A một kỷ phần quyền sử dụng đất diện tích 298m^2 thuộc một phần thửa số 92 tờ bản đồ số 67 đất tọa lạc tại Khóm 7, Phường 1, thành phố M, tỉnh Bạc Liêu, đất có vị trí và tứ cạnh như sau:

- Hướng Đông giáp đất chia bà C có số đo 43,20m.

- Hướng Tây giáp đất chia cho ông C1, có số đo 43,26m.

- Hướng Nam giáp với phần đất ông Trần Văn Tài và bà Trần Ngọc Bích có số đo 7,70m.

- Hướng Bắc giáp dự án đường O nối dài, có số đo 6,58m.

4.5. Chia cho bà C1 một kỷ phần quyền sử dụng đất diện tích 299,2m^2 thuộc một phần thửa số 92 tờ bản đồ số 67, đất tọa lạc tại Khóm 7, Phường 1, thành phố M, tỉnh Bạc Liêu, đất có vị trí và tứ cạnh như sau:

- Hướng Đông giáp đất chia cho ông A có số đo 43,26m.

- Hướng Tây giáp với đất của Trường tiểu học L, có số đo 30,93m+ giáo đất ông G có số đo 2,63m + 11,69m.

- Hướng Nam giáp với phần đất bà J có số đo 2,34m.

- Hướng Bắc giáp dự án đường O nối dài, có số đo 6,51m.

Thứ tự quyền sử dụng đất tính từ cạnh hướng Đông giáp đất bà C2 đang quản lý về cạnh hướng Tây giáp đất trường L và giáp đất ông G.

Việc phân chia quyền sử dụng đất có bản vẽ và sơ đồ chi tiết.

5. Buộc ông A trả cho ông B giá trị cây trồng trên đất tổng số tiền là 4.420.000

đồng.

Trường hợp người phải thi hành án chậm trả tiền thì bên đó còn phải chịu lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả cho đến khi thi hành xong khoản tiền phải thi hành án theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự.

Ông C3 (người giám hộ là ông B), ông A, bà C, bà C1 và bà C2 được quyền sở hữu, sử dụng các cây trồng liền kề tương ứng trên phần đất mà mình được chia (gồm 01 cây Dừa, 01 bụi Trúc, 01 bụi Tre có 30 cây và một số cây Chuối; nếu có trên đất mà mình được nhận).

Ngoài ra, bản án còn tuyên về lãi suất trong giai đoạn thi hành án, chi phí tố tụng, án phí dân sự sơ thẩm, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 20 tháng 12 năm 2022, bị đơn ông B kháng cáo toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 20/DSST ngày 09/12/2022 của TAND thành phố M; Yêu cầu hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 20/DSST ngày 09/12/2022 của TAND thành phố M; Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện chia thừa kế của ông A và các đương sự khác có yêu cầu như ông A; Thừa nhận cho ông B có quyền sử dụng toàn bộ diện tích đất và số tiền bồi thường tại vị trí đất đang tranh chấp, cho phép ông B tiếp tục hoàn thành các thủ tục còn lại để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Ngày 20 tháng 12 năm 2022, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông C3 (Do người giám hộ của ông C3 là ông B thực hiện kháng cáo) kháng cáo, đề nghị cấp phúc thẩm bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn ông B và là người giám hộ cho ông C3 vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo của ông B và của ông C3.

- Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông C3 trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông C3, sửa án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu chia thừa kế của nguyên đơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu phát biểu quan điểm:

+ Về thủ tục tố tụng: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử thấy rằng Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa, các Thẩm phán, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn và người có quyền, nghĩa vụ liên quan, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 201/DSST ngày 09/12/2022 của TAND thành phố M.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phúc thẩm; Sau khi thảo luận, nghị án, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền xét xử: Nguyên đơn yêu cầu chia thừa kế tài sản, địa chỉ của bị đơn và tài sản là phần đất tọa lạc tại thành phố M, tỉnh Bạc Liêu nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Bạc Liêu theo quy định tại khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn ông B và ông C3 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan kháng cáo, các đơn kháng cáo nộp trong thời hạn quy định, ông B đã nộp tạm ứng án phí, ông C3 thuộc trường hợp được miễn nộp tạm ứng án phí theo quy định. Do đó, Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu thụ lý và giải quyết vụ án theo trình tự phúc thẩm là đúng thẩm quyền.

[1.2] Về thời hiệu khởi kiện: Cụ K, chết ngày 29/7/1993 và cụ K1, chết ngày 27/10/2017; Nguyên đơn nộp đơn khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế vào năm 2019. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ quy định tại Điều 623 Bộ luật Dân sự, xác định thời hiệu khởi kiện của các nguyên đơn yêu cầu chia thừa kế di sản của cụ K1 vẫn còn là phù hợp, đúng quy định pháp luật.

[1.3] Về sự có mặt của các đương sự trong vụ án: Các đương sự có mặt; đại diện Hội đồng Bồi thường hỗ trợ và tái định cư thành phố M và Ủy ban nhân dân thành phố M có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người này là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Xét hàng thừa kế, tất cả các bên đương sự thống nhất xác định cụ K và cụ K1 có tất cả 06 người con chung gồm: ông K2 (chết năm 1974, trước khi chết không có vợ con); ông C3; bà C; ông A; bà C1; bà C2. Ngoài ra, cụ K và cụ K1 không còn người con chung hay con riêng nào khác. Đây là các tình tiết, sự kiện được tất cả các đương sự thống nhất thừa nhận nên không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, đủ căn cứ xác định hàng thừa kế thứ nhất của cụ K, cụ K1 còn sống tới thời điểm mở thừa kế gồm 05 người là: Ông C3, bà C, ông A, bà C1 và bà C2.

[3] Xét khối di sản thừa kế: Căn cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án và theo sự thừa nhận thống nhất của ông A, ông B, bà C, bà C1 và bà C2, đủ cơ sở để xác định quyền sử dụng đất diện tích 1.491,2m^2, thuộc thửa 92, tờ bản đồ số 67 và phần đất bị thu hồi diện tích 154,80m^2 thửa 92 và 120, đất toạ lạc tại Khóm 7, Phường 1, thành

phố M, tỉnh Bạc Liêu có nguồn gốc là của cụ K và cụ K1, căn cứ Điều 92 Bộ luật Tố tụng Dân sự, đây là tình tiết không phải chứng minh.

[4] Tuy nhiên, phía ông A, bà C1, bà C2 thống nhất xác định đây là di sản của cụ K, cụ K1 chết để lại chưa chia và chưa được định đoạt trong di chúc của cụ K1. Do đó, yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật cho hàng thừa kế thứ nhất của cụ K và cụ K1 gồm: Ông C3, ông A, bà C, bà C1 và bà C2, cho mỗi người được hưởng 01 kỷ phần bằng nhau. Tuy nhiên, phía ông B (là bị đơn và là người giám hộ của ông C3) và bà C thống nhất xác định quyền sử dụng đất diện tích 1.491,2m^2 và phần đất bị thu hồi diện tích 154,80m^2 của thửa 92 và 120 là của ông B đã được cụ K1 cho vào năm 1992, đây là tài sản riêng của ông B, không phải là di sản thừa kế, không đồng ý yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật của ông A, bà C1, bà C2.

[5] Hội đồng xét xử xét thấy, do tất cả các đương sự đều thống nhất phần đất tranh chấp có nguồn gốc là của cụ K và cụ K1 nên việc ông B xác định phần đất tranh chấp cụ K1 đã cho ông B khi còn sống nên căn cứ khoản 2 và khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự, ông B là người phải có nghĩa vụ chứng minh ông B đã nhận được quyền sử dụng các tài sản trên hợp pháp.

[6] Suốt quá trình tố tụng tại cấp sơ thẩm và phúc thẩm, ông B cho rằng việc tặng cho đất của cụ K1 chỉ nói miệng, chưa lập thủ tục tặng cho theo đúng trình tự pháp luật quy định. Ông B có nêu chứng cứ là biên bản xác minh nguồn gốc đất của hộ ông B do Ủy ban nhân dân Phường 1 lập ngày 14/10/2016, biên bản có chữ ký, viết tên K1. Qua kiểm tra nội dung biên bản xác minh (bút lục 149) có thể hiện: "*Đất do bà K1 sử dụng trước năm 1975. Đến năm 1992 thì bà Lợi cho lại cháu là ông B sử dụng cho đến nay"*. Như vậy, việc cụ K1 cho lại cháu là ông B phần đất là lời trình bày của cụ K1 với tổ công tác, tuy nhiên, theo quy định của pháp luật, việc tặng cho quyền sử dụng đất về hình thức theo luật định phải được lập thành văn bản, tiến hành các trình tự thủ tục quy định của luật đất đai tại thời điểm tặng cho. Do đó, việc tặng cho quyền sử đất với hình thức bằng lời nói và cho đến thời điểm trước khi mở thừa kế cụ K1 và ông B không tiến hành các thủ tục tặng cho theo đúng trình tự luật định nên thỏa thuận tặng cho không có giá trị pháp lý.

[7] Ông B còn cho rằng nhân chứng là bà C và bà C2, tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm, chính bà C thừa nhận bà không trực tiếp chứng kiến buổi xác minh, chỉ nghe Tuấn kể lại sự việc, bà C2 thì hoàn toàn phủ nhận việc cụ K1 tặng cho Tuấn phần đất tranh chấp. Ngoài ra ông B không cung cấp thêm chứng cứ, nhân chứng nào khác. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận ý kiến ông B về việc đã được cụ K1 tặng cho đối với phần đất tranh chấp là phù hợp, đúng quy định pháp luật.

[8] Đối với việc ông B xác định là người đứng tên sổ mục kê tại các thửa 91, 120 và 121 từ năm 2017, xét thấy, hệ thống sổ mục kê, quản lý đất đai tại địa phương qua hệ thống bản đồ các năm thì sổ mục kê năm 1994, năm 1997 đứng tên K1, đến năm 2017 đứng tên B. Tuy nhiên, Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Bạc

Liêu đã giải thích về sự thay đổi người kê khai tại sổ mục kê ruộng đất theo Công văn số 2059/STNMT-CCQLĐĐ ngày 12/10/2021 của Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Bạc Liêu như sau: Có sự thay đổi tên người đứng tên sổ mục kê là do cập nhật theo sự kê khai đăng ký, trường hợp có tranh chấp sẽ giải quyết theo quy định pháp luật. Mặt khác, đủ căn cứ chứng minh nguồn gốc quyền sử dụng đất là của cụ K và cụ K1 nên tuy có sự thay đổi người đứng tên sổ mục kê, ông B đứng tên tại sổ mục kê ở địa phương, nhưng không có một giao dịch chuyển quyền sử dụng đất hợp pháp giữa cụ K1 và ông B thì cũng không đủ cơ sở chứng minh quyền sử dụng đất là của ông B.

[8] Từ những phân tích trên, đủ căn cứ xác định di sản của cụ K1 là quyền sử dụng đất diện tích 1.491,2m^2, thuộc thửa 92, tờ bản đồ số 67 và phần đất bị thu hồi diện tích 154,80m^2 thửa 92 và 120, đất toạ lạc tại Khóm 7, Phường 1, thành phố M, tỉnh Bạc Liêu thành tiền là 659.231.280 đồng.

[9] Xét kháng cáo của bị đơn ông B và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông C3 (Do người giám hộ của ông C3 là ông B thực hiện kháng cáo), đề nghị cấp phúc thẩm bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; Ông B còn kháng cáo yêu cầu hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 20/DSST ngày 09/12/2022 của TAND thành phố M; Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện chia thừa kế của ông A và các đương sự khác có yêu cầu như ông A; Thừa nhận cho ông B có quyền sử dụng toàn bộ diện tích đất và số tiền bồi thường tại vị trí đất đang tranh chấp, cho phép ông B tiếp tục hoàn thành các thủ tục còn lại để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật: Như đã nhận định, di sản và hàng thừa kế của cụ K1 được cấp sơ thẩm xác định đúng theo quy định pháp luật, việc phân chia di sản thừa kế hoàn toàn có căn cứ, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự nên không chấp nhận kháng cáo của ông B và ông C3 về việc bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đủ căn cứ chứng minh toàn bộ phần tài sản tranh chấp là di sản của cụ K1 nên được phân chia thừa kế, ông B không chứng minh đã nhận được quyền sử dụng đất hợp pháp từ cụ K1 nên không chấp nhận toàn bộ các nội dung kháng cáo của ông B.

[10] Xét ý kiến của người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông C3 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông C3, sửa án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu chia thừa kế của nguyên đơn là không có căn cứ chấp nhận.

[11] Từ những cơ sở trên, có căn cứ chấp nhận toàn bộ đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu về việc không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông B và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông C3; Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 201/2022/DS-ST ngày 09/12/2022 của Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Bạc Liêu.

[12] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do không có căn cứ chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm nên người kháng cáo phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định pháp luật, ông B đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm và ông C3 thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định nên tiền tạm ứng án phí phúc thẩm của ông B được chuyển thu án phí dân sự phúc thẩm toàn bộ, miễn án phí phúc thẩm cho ông C3.

[13] Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông B và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông C3; Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 201/2022/DS-ST ngày 09/12/2022 của Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Bạc Liêu.

Căn cứ khoản 5 Điều 26; điểm c khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; Điều 227; Điều 229; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 2 Điều 689 Bộ luật Dân sự 1995; Điều 106 Luật đất đai năm 1993; Điều 166, Điều 170 của Luật đất đai năm 2013; Điều 609, Điều 610, Điều 612, Điều 613, Điều 618, Khoản 1 Điều 623, Điều 649, Điều 650, Điều 651, Điều 660, điểm d khoản 1 Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 2 của Luật người Cao tuổi năm 2009.

1. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của ông A về yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật quyền sử dụng đất diện tích 147,6m^2 thửa 92, tờ bản đồ 67 tọa lạc tại khóm 7, phường 1, thành phố M, tỉnh Bạc Liêu; Về yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật quyền sử dụng đất toàn bộ phần đất có mộ và khu lân cận mộ theo kết quả đo đạc thực tế 777,3m^2 (trong đó diện tích mồ mả 159,0m^2 và diện tích còn lại 618,3m^2) thuộc một phần thửa số 92, tờ bản số 67, đất tọa lạc tại khóm 7, phường 1, thành phố M; Về yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật số tiền được bồi thường 18.665.645 đồng của phần đất bị thu hồi diện tích 17,9m^2 tọa lạc tại Khóm 7, Phường 1, thành phố M, tỉnh Bạc Liêu; Về yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật số tiền chi trả bồi thường, hỗ trợ tái định cư 17.328.567 đồng của phần đất bị thu hồi diện tích 12,9m^2 thuộc thửa 121 tọa lạc tại khóm 7, phường 1, thành phố M, tỉnh Bạc Liêu.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông A về việc yêu cầu chia thừa kế tài sản theo pháp luật di sản thừa kế của cụ K và cụ K1 để lại là quyền sử dụng đất diện tích 1.491,2m^2 thuộc thửa 92, tờ bản đồ số 67, đất toạ lạc tại Khóm 7, Phường 1, thành phố M, tỉnh Bạc Liêu và tiền bồi thường, hỗ trợ và tái định cư (sau khi trừ nghĩa vụ tài chính về đất) số tiền 659.231.280 đồng.

3. Chia cho bà C2 số tiền 131.846.256 đồng (Một trăm ba mươi mốt triệu, tám trăm bốn mươi sáu nghìn, hai trăm năm mươi sáu đồng) và diện tích 298m^2 thuộc một phần thửa số 92 tờ bản đồ số 67, đất tọa lạc tại tại Khóm 7, Phường 1, thành phố M, tỉnh Bạc Liêu, đất có vị trí và tứ cạnh như sau:

- Hướng Đông giáp đất của bà C2 đang quản lý, sử dụng có số đo 2,23m + 5,65m + 0,18m + 31,57m.

- Hướng Tây giáp đất chia cho ông C3 (do ông B là người giám hộ), có số đo 37,17m.

- Hướng Nam giáp với phần đất do ông B, ông C3 đang quản lý, sử dụng (đất do cụ K1 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) có số đo là 9,50m.

- Hướng Bắc giáp dự án đường O nối dài, có số đo 6,58m.

4. Chia cho ông C3 (do ông B là người giám hộ đại diện nhận) số tiền 131.846.256 đồng (Một trăm ba mươi mốt triệu, tám trăm bốn mươi sáu nghìn, hai trăm năm mươi sáu đồng) và diện tích 298m^2 thuộc một phần thửa số 92 tờ bản đồ số 67, đất tọa lạc tại Khóm 7, Phường 1, thành phố M, tỉnh Bạc Liêu, đất có vị trí và tứ cạnh như sau:

- Hướng Đông giáp đất chia cho bà C2 có số đo 37,17m.

- Hướng Tây giáp đất chia cho bà C, có số đo 43,19m.

- Hướng Nam giáp với phần đất do ông B, ông C3 đang quản lý, sử dụng (đất do cụ K1 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) và giáp đất bà I có số đo lần lượt là 9,50m + 0,85m.

- Hướng Bắc giáp dự án đường O nối dài, có số đo 6,58m.

5. Chia cho bà C số tiền 131.846.256 đồng (Một trăm ba mươi mốt triệu, tám trăm bốn mươi sáu nghìn, hai trăm năm mươi sáu đồng) và diện tích 298m^2 thuộc một phần thửa số 92 tờ bản đồ số 67, đất tọa lạc tại Khóm 7, Phường 1, thành phố M, tỉnh Bạc Liêu, đất có vị trí và tứ cạnh như sau:

- Hướng Đông giáp đất chia cho ông C3 (do ông B là người giám hộ) có số đo 43,19m.

- Hướng Tây giáp đất chia cho ông A, có số đo 43,20m.

- Hướng Nam giáp với phần đất bà I có số đo 7,61m.

- Hướng Bắc giáp dự án đường O nối dài, có số đo 6,58m.

6. Chia cho ông A số tiền 131.846.256 đồng (Một trăm ba mươi mốt triệu, tám trăm bốn mươi sáu nghìn, hai trăm năm mươi sáu đồng) và diện tích 298m^2 thuộc một phần thửa số 92 tờ bản đồ số 67 đất tọa lạc tại tại Khóm 7, Phường 1, thành phố M, tỉnh Bạc Liêu, đất có vị trí và tứ cạnh như sau:

- Hướng Đông giáp đất chia bà C có số đo 43,20m.

- Hướng Tây giáp đất chia cho ông C1, có số đo 43,26m.

- Hướng Nam giáp với phần đất ông Trần Văn Tài và bà Trần Ngọc Bích có số đo 7,70m.

- Hướng Bắc giáp dự án đường O nối dài, có số đo 6,58m.

7. Chia cho bà C1 số tiền 131.846.256 đồng (Một trăm ba mươi mốt triệu, tám trăm bốn mươi sáu nghìn, hai trăm năm mươi sáu đồng) và diện tích 299,2m^2 thuộc một phần thửa số 92 tờ bản đồ số 67, đất tọa lạc tại tại Khóm 7, Phường 1, thành phố M, tỉnh Bạc Liêu, đất có vị trí và tứ cạnh như sau:

- Hướng Đông giáp đất chia cho ông A có số đo 43,26m.

- Hướng Tây giáp với đất của Trường tiểu học L, có số đo 30,93m+ giáo đất ông G có số đo 2,63m + 11,69m.

- Hướng Nam giáp với phần đất bà J có số đo 2,34m.

- Hướng Bắc giáp dự án đường O nối dài, có số đo 6,51m.

8. Ông B (người giám hộ của ông C3), ông A, bà C, bà C1 và bà C2 có quyền đến Hội đồng Bồi thường hỗ trợ và tái định cư thành phố M, tỉnh Bạc Liêu để nhận số tiền được chia theo quy định pháp luật.

Thứ tự quyền sử dụng đất tính từ cạnh hướng Đông giáp đất bà C2 đang quản lý về cạnh hướng Tây giáp đất trường L và giáp đất ông G.

Việc phân chia quyền sử dụng đất có bản vẽ và sơ đồ chi tiết.

9. Buộc ông A trả cho ông B giá trị cây trồng trên đất tổng số tiền là 4.420.000 đồng.

Ông C3 (người giám hộ là ông B), ông A, bà C, bà C1 và bà C2 được quyền sở hữu, sử dụng các cây trồng tương ứng trên phần đất mà mình được chia (gồm 01 cây Dừa, 01 bụi Trúc, 01 bụi Tre có 30 cây và một số cây Chuối) nếu có trên đất mà mình được nhận.

10. Về chi phí tố tụng đo đạc, xem xét thẩm định và định giá tài sản:

Ông A phải chịu 3.407.282 đồng.

Ông C3 (do ông B là người giám hộ trả); bà C, bà C1 và bà C2 mỗi người phải chịu là 944.000đồng.

Ông A đã dự nộp số tiền nêu trên.

Buộc ông C3 (do ông B là người giám hộ trả); bà C, bà Nguyễn Thị Bích và bà C2 mỗi người phải hoàn trả cho ông A số tiền 944.000đồng.

11. Về án phí:

11.1. Án phí dân sự có giá ngạch:

Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông C3, ông A, bà C, bà C1.

Bà C2 phải chịu 12.552.312 đồng

Các đương sự khác trong vụ án không phải chịu án phí.

11.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Buộc ông B phải chịu án phí phúc thẩm 300.000 đồng; Ông B đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng tại Biên lai thu số 0008245 ngày 20/12/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố M được chuyển thu án phí phúc thẩm toàn bộ.

Miễn án phí phúc thẩm cho ông C3.

12. Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

13. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TANDCC tại TP.HCM;
- Viện KSND tỉnh Bạc Liêu;
- Đương sự;
- Chi cục THADS thành phố M;
- VKSND thành phố M;
- TAND thành phố M;
- Lưu: HSVA; THCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký tên và đóng dấu

Châu Minh Nguyệt